

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4681/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 16 tháng 11 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt quy trình nội bộ thực hiện thủ tục hành chính
thuộc thẩm quyền giải quyết của Ngành Thanh tra,
UBND cấp huyện, UBND cấp xã tỉnh Đồng Nai**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực
hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính
phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày
23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải
quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 3184/QĐ-UBND ngày 09/9/2021 của Chủ tịch
UBND tỉnh về việc công bố Bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết
của ngành Thanh tra, UBND cấp huyện, UBND cấp xã tỉnh Đồng Nai;*

*Theo đề nghị của Chánh Thanh tra tỉnh tại Tờ trình số 2102/TTr-TT ngày
01 tháng 11 năm 2021.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này 18 quy trình nội bộ giải quyết
thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ngành Thanh tra, UBND
cấp huyện, UBND cấp xã tỉnh Đồng Nai.

(Danh mục và nội dung quy trình đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

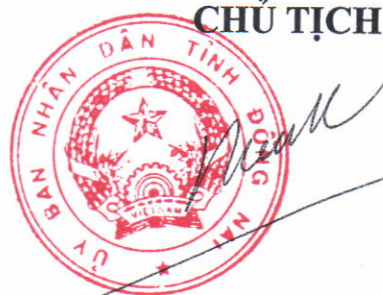
Điều 3. Thanh tra tỉnh; các sở, ban ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân các
huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa; Ủy ban nhân dân các xã,
phường, thị trấn căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao chịu trách nhiệm tổ chức
triển khai tại cơ quan, đơn vị, địa phương các Quy trình nội bộ thực hiện thủ tục
hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết được phân công.



Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Chánh Thanh tra tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục KSTTHC (VPCP);
- Chủ tịch, các PCT.UBND tỉnh;
- Chánh, các Phó CVP.UBND tỉnh;
- Lưu: VT, THNC, Ban TCD, Công TTĐT, HCC.



Cao Tiến Dũng



**QUY TRÌNH NỘI BỘ THỰC HIỆN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA NGÀNH THANH TRA,
UBND CẤP HUYỆN, UBND CẤP XÃ TỈNH ĐỒNG NAI**
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 4681/QĐ-UBND ngày 16 tháng 1 năm 2021
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

**Phần 1
DANH MỤC QUY TRÌNH NỘI BỘ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

Stt	Tên thủ tục hành chính	Trang
A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH		
I	Lĩnh vực tiếp công dân	
1	Thủ tục tiếp công dân tại cấp tỉnh	3
II	Lĩnh vực giải quyết khiếu nại	
2	Thủ tục Giải quyết khiếu nại theo thẩm quyền Chủ tịch UBND tỉnh	4
3	Thủ tục giải quyết khiếu nại theo thẩm quyền giải quyết của Giám đốc Sở và cấp tương đương	5
III	Lĩnh vực giải quyết tố cáo	
4	Thủ tục Giải quyết tố cáo theo thẩm quyền Chủ tịch UBND tỉnh	6
5	Thủ tục Giải quyết tố cáo theo thẩm quyền của Giám đốc Sở và cấp tương đương	7
IV	Lĩnh vực xử lý đơn thư	
6	Thủ tục xử lý đơn tại cấp tỉnh	8
B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN		
I	Lĩnh vực tiếp công dân	
1	Thủ tục tiếp công dân tại cấp huyện	9
II	Lĩnh vực giải quyết khiếu nại	
2	Thủ tục Giải quyết khiếu nại theo thẩm quyền Chủ tịch UBND huyện	10
III	Lĩnh vực giải quyết tố cáo	
3	Thủ tục Giải quyết tố cáo tại cấp huyện	11
IV	Lĩnh vực xử lý đơn thư	

4	Thủ tục xử lý đơn tại cấp huyện	12
C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ		
I	Lĩnh vực tiếp công dân	
1	Thủ tục tiếp công dân tại cấp xã	13
II	Lĩnh vực giải quyết khiếu nại	
2	Thủ tục Giải quyết khiếu nại tại cấp xã	14
III	Lĩnh vực giải quyết tố cáo	
3	Thủ tục Giải quyết tố cáo tại cấp xã	15
IV	Lĩnh vực xử lý đơn thư	
4	Thủ tục xử lý đơn tại cấp xã	16
D. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH, HUYỆN, XÃ		
Lĩnh vực phòng chống tham nhũng		
1	Thủ tục kê khai tài sản, thu nhập	17
2	Thủ tục xác minh tài sản, thu nhập	18
3	Thủ tục tiếp nhận yêu cầu giải trình	19
4	Thủ tục thực hiện việc giải trình	20

Phần 2

NỘI DUNG QUY TRÌNH NỘI BỘ THỰC HIỆN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

I. Lĩnh vực tiếp công dân

1. Thủ tục tiếp công dân tại cấp tỉnh

1. Thủ tục tiếp công dân tại cấp tỉnh		
Lưu đồ	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
<pre> graph TD A[Đón tiếp, xác định nhân thân của công dân] --> B[Nghe, ghi chép nội dung khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh, tiếp nhận thông tin, tài liệu] B --> C[Phân loại, xử lý khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh tại nơi tiếp công dân] C --> D[Trường hợp không thuộc thẩm quyền.] C --> E[Trường hợp thuộc thẩm quyền] D --> F[Hướng dẫn người khiếu nại, tố cáo đến cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền giải quyết; Chuyển kiến nghị, phản ánh đến đến cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền nghiên cứu, tiếp thu, xem xét, giải quyết.] E --> G[Ban hành thông báo thụ lý hoặc không thụ lý khiếu nại, tố cáo; Văn bản trả lời kiến nghị, phản ánh.] </pre>	<p>Ban tiếp công dân cấp tỉnh; bộ phận tiếp công dân của Thanh tra tỉnh, các sở.</p>	<p>Theo khoản 1 Điều 28 Luật Tiếp công dân: Trong thời hạn 10 ngày</p>
<p>Hướng dẫn người khiếu nại, tố cáo đến cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền giải quyết; Chuyển kiến nghị, phản ánh đến đến cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền nghiên cứu, tiếp thu, xem xét, giải quyết.</p>	<p>Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chánh thanh tra tỉnh; Giám đốc Sở. - Ban tiếp công dân cấp tỉnh; bộ phận tiếp công dân của Thanh tra tỉnh, các sở.</p>	

II. Lĩnh vực giải quyết khiếu nại

2. Thủ tục Giải quyết khiếu nại theo thẩm quyền Chủ tịch UBND tỉnh

2. Thủ tục Giải quyết khiếu nại theo thẩm quyền Chủ tịch UBND tỉnh				
Lưu đồ	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết		
		Lần 1	Lần 2	
<pre> graph TD A[Nhận đơn khiếu nại] --> B[Nghiên cứu và xem xét thụ lý khiếu nại] B --> C[Thông báo về việc không thụ lý khiếu nại] B --> D[Thông báo về việc thụ lý và Quyết định giao xác minh] C --> E[Tiến hành xác minh nội dung khiếu nại] D --> E E --> F[Tổ chức đối thoại] F --> G[Ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại] G --> H[Gửi Quyết định giải quyết khiếu nại] H --> I[Công khai Quyết định giải quyết khiếu nại] </pre>	UBND tỉnh	10 ngày		
	Chủ tịch UBND tỉnh			
	Tiến hành xác minh nội dung khiếu nại	Thanh tra tỉnh; các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh.	- 30 ngày; đối với vụ việc phức tạp thì 45 ngày, kể từ ngày thụ lý.	- 45 ngày; đối với vụ việc phức tạp thì 60 ngày, kể từ ngày thụ lý.
	Tổ chức đối thoại	Chủ tịch UBND tỉnh hoặc Chánh Thanh tra tỉnh (trường hợp được ủy quyền)	- Ở vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn, thì 45 ngày; đối với vụ việc phức tạp thì 60 ngày, kể từ ngày thụ lý.	- Ở vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn, thì 60 ngày; đối với vụ việc phức tạp thì 70 ngày, kể từ ngày thụ lý.
	Ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại	UBND tỉnh		
	Gửi Quyết định giải quyết khiếu nại	UBND tỉnh	3 ngày	7 ngày
	Công khai Quyết định giải quyết khiếu nại	UBND tỉnh	15 ngày	

3. Thủ tục giải quyết khiếu nại theo thẩm quyền giải quyết của Giám đốc Sở và cấp tương đương

3. Thủ tục giải quyết khiếu nại theo thẩm quyền giải quyết của Giám đốc Sở và cấp tương đương			
Lưu đồ	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết	
		Lần 1	Lần 2
<p>Nhận đơn khiếu nại</p> <p>↓</p> <p>Nghiên cứu và xem xét thụ lý khiếu nại</p>	Thanh tra sở; các phòng, ban chuyên môn thuộc sở và cấp tương đương.	10 ngày	
<p>↓</p> <p>Thông báo về việc không thụ lý khiếu nại</p> <p>↓</p> <p>Thông báo về việc thụ lý và Quyết định giao xác minh</p>	Giám đốc Sở hoặc cấp tương đương		
<p>↓</p> <p>Tiến hành xác minh nội dung khiếu nại</p>	Thanh tra tỉnh; các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh.	- 30 ngày; đối với vụ việc phức tạp thì 45 ngày, kể từ ngày thụ lý.	- 45 ngày; đối với vụ việc phức tạp thì 60 ngày, kể từ ngày thụ lý.
<p>↓</p> <p>Tổ chức đối thoại</p>	Giám đốc Sở hoặc cấp tương đương	- Ở vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn, thì 45 ngày; đối với vụ việc phức tạp thì 60 ngày, kể từ ngày thụ lý.	- Ở vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn, thì 60 ngày; đối với vụ việc phức tạp thì 70 ngày, kể từ ngày thụ lý.
<p>↓</p> <p>Ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại</p>	Giám đốc Sở hoặc cấp tương đương		
<p>↓</p> <p>Gửi Quyết định giải quyết khiếu nại</p>	Thanh tra sở; các phòng, ban chuyên môn thuộc sở và cấp tương đương	3 ngày	7 ngày
<p>↓</p> <p>Công khai Quyết định giải quyết khiếu nại</p>	Thanh tra sở; các phòng, ban chuyên môn thuộc sở và cấp tương đương.	15 ngày	

IV. Lĩnh vực giải quyết tố cáo

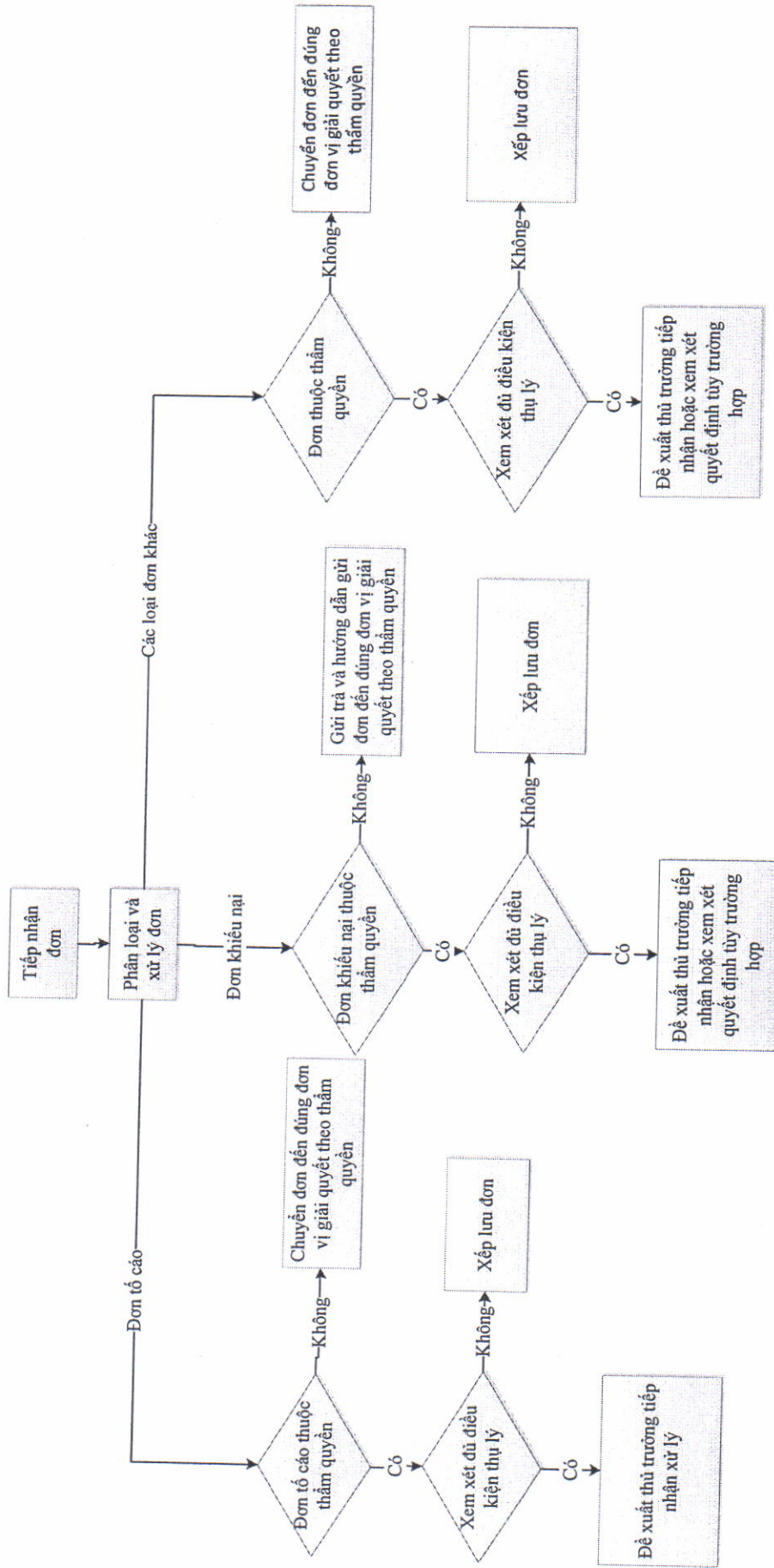
4. Thủ tục Giải quyết tố cáo theo thẩm quyền Chủ tịch UBND tỉnh

4. Thủ tục Giải quyết tố cáo theo thẩm quyền Chủ tịch UBND tỉnh			
Lưu đồ	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết	
		Tố cáo	Tố cáo tiếp
<p>Nhận đơn tố cáo</p> <p>↓</p> <p>Nghiên cứu và xem xét thụ lý tố cáo</p> <p>↓</p> <p>Thông báo không thụ lý tố cáo Thông báo thụ lý tố cáo và Quyết định giao xác minh</p>	<p>UBND tỉnh</p> <p>Thanh tra tỉnh; các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh.</p>	<p>Từ 07 đến 10 ngày theo quy định tại Khoản 1 Điều 24 Luật Tố cáo năm 2018</p>	<p>20 ngày theo quy định tại Khoản 2 Điều 37 Luật Tố cáo năm 2018</p>
<p>Tiến hành xác minh nội dung tố cáo</p> <p>↓</p> <p>Ban hành Kết luận giải quyết nội dung tố cáo</p>	<p>Thanh tra tỉnh; các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh.</p> <p>Chủ tịch UBND tỉnh</p>	<p>30 ngày đối với nội dung tố cáo bình thường; Từ 60 đến 90 ngày đối với nội dung tố cáo phức tạp theo quy định tại Điều 30 Luật Tố cáo năm 2018</p>	
<p>Ban hành thông báo kết quả giải quyết tố cáo cho người tố cáo</p> <p>↓</p> <p>Công khai Kết luận giải quyết nội dung tố cáo</p>	<p>Chủ tịch UBND tỉnh</p> <p>Chủ tịch UBND tỉnh</p>	<p>05 ngày theo quy định tại Khoản 3 Điều 35 Luật Tố cáo năm 2018</p> <p>07 ngày theo quy định tại Khoản 1 Điều 40 Luật Tố cáo năm 2018</p>	

5. Thủ tục Giải quyết tố cáo theo thẩm quyền của Giám đốc Sở và cấp tương đương

5. Thủ tục Giải quyết tố cáo theo thẩm quyền của Giám đốc Sở và cấp tương đương			
Lưu đồ	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết	
		Tố cáo	Tố cáo tiếp
<p>Nhận đơn tố cáo</p> <p>↓</p> <p>Nghiên cứu và xem xét thụ lý tố cáo</p> <p>↓</p> <p>Thông báo không thụ lý tố cáo Thông báo thụ lý tố cáo và Quyết định giao xác minh</p>	<p>Thanh tra sở; các phòng, ban chuyên môn thuộc sở và cấp tương đương.</p>	<p>Từ 07 đến 10 ngày theo quy định tại Khoản 1 Điều 24 Luật Tố cáo năm 2018</p>	<p>20 ngày theo quy định tại Khoản 2 Điều 37 Luật Tố cáo năm 2018</p>
<p>Thanh tra tỉnh; các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh.</p>			
<p>Tiến hành xác minh nội dung tố cáo</p> <p>↓</p> <p>Ban hành Kết luận giải quyết nội dung tố cáo</p> <p>↓</p> <p>Ban hành thông báo kết quả giải quyết tố cáo cho người tố cáo</p> <p>↓</p> <p>Công khai Kết luận giải quyết nội dung tố cáo</p>	<p>Thanh tra sở; các phòng, ban chuyên môn thuộc sở và cấp tương đương.</p>	<p>30 ngày đối với nội dung tố cáo bình thường; Từ 60 đến 90 ngày đối với nội dung tố cáo phức tạp theo quy định tại Điều 30 Luật Tố cáo năm 2018</p>	
<p>Giám đốc Sở hoặc cấp tương đương</p>			
	<p>Giám đốc Sở hoặc cấp tương đương</p>	<p>05 ngày theo quy định tại Khoản 3 Điều 35 Luật Tố cáo năm 2018</p>	
	<p>Giám đốc Sở hoặc cấp tương đương</p>	<p>07 ngày theo quy định tại Khoản 1 Điều 40 Luật Tố cáo năm 2018</p>	

IV. Lĩnh vực xử lý đơn thư
6. Xử lý đơn tại cấp tỉnh



- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND cấp tỉnh, Chánh Thanh tra tỉnh; Giám đốc sở.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Ban tiếp công dân cấp tỉnh, bộ phận xử lý đơn thư thuộc Thanh tra tỉnh và các sở.
- Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN
I. Lĩnh vực tiếp công dân
1. Thủ tục tiếp công dân tại cấp huyện

1. Thủ tục tiếp công dân tại cấp huyện		
Lưu đồ	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
<pre> graph TD A[Đón tiếp, xác định nhân thân của công dân] --> B[Nghe, ghi chép nội dung khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh, tiếp nhận thông tin, tài liệu] B --> C[Phân loại, xử lý khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh tại nơi tiếp công dân] C --> D[Trường hợp không thuộc thẩm quyền.] C --> E[Trường hợp thuộc thẩm quyền.] D --> F[Hướng dẫn người khiếu nại, tố cáo đến cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền giải quyết; Chuyển kiến nghị, phản ánh đến cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền nghiên cứu, tiếp thu, xem xét, giải quyết.] E --> G[Ban hành thông báo thụ lý hoặc không thụ lý khiếu nại, tố cáo; Văn bản trả lời kiến nghị, phản ánh.] </pre>	<p>Ban tiếp công dân cấp huyện; Thanh tra huyện, các Phòng ban chuyên môn trực thuộc UBND cấp huyện.</p>	<p>Theo khoản 1 Điều 28 Luật Tiếp công dân: Trong thời hạn 10 ngày</p>
<p>Hướng dẫn người khiếu nại, tố cáo đến cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền giải quyết; Chuyển kiến nghị, phản ánh đến cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền nghiên cứu, tiếp thu, xem xét, giải quyết.</p>	<p>Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chánh thanh tra huyện; Trưởng phòng chuyên môn trực thuộc UBND cấp huyện. - Ban tiếp công dân cấp huyện; Thanh tra huyện; các phòng chuyên môn trực thuộc UBND cấp huyện.</p>	

II. Lĩnh vực giải quyết khiếu nại

2. Thủ tục Giải quyết khiếu nại theo thẩm quyền Chủ tịch UBND huyện

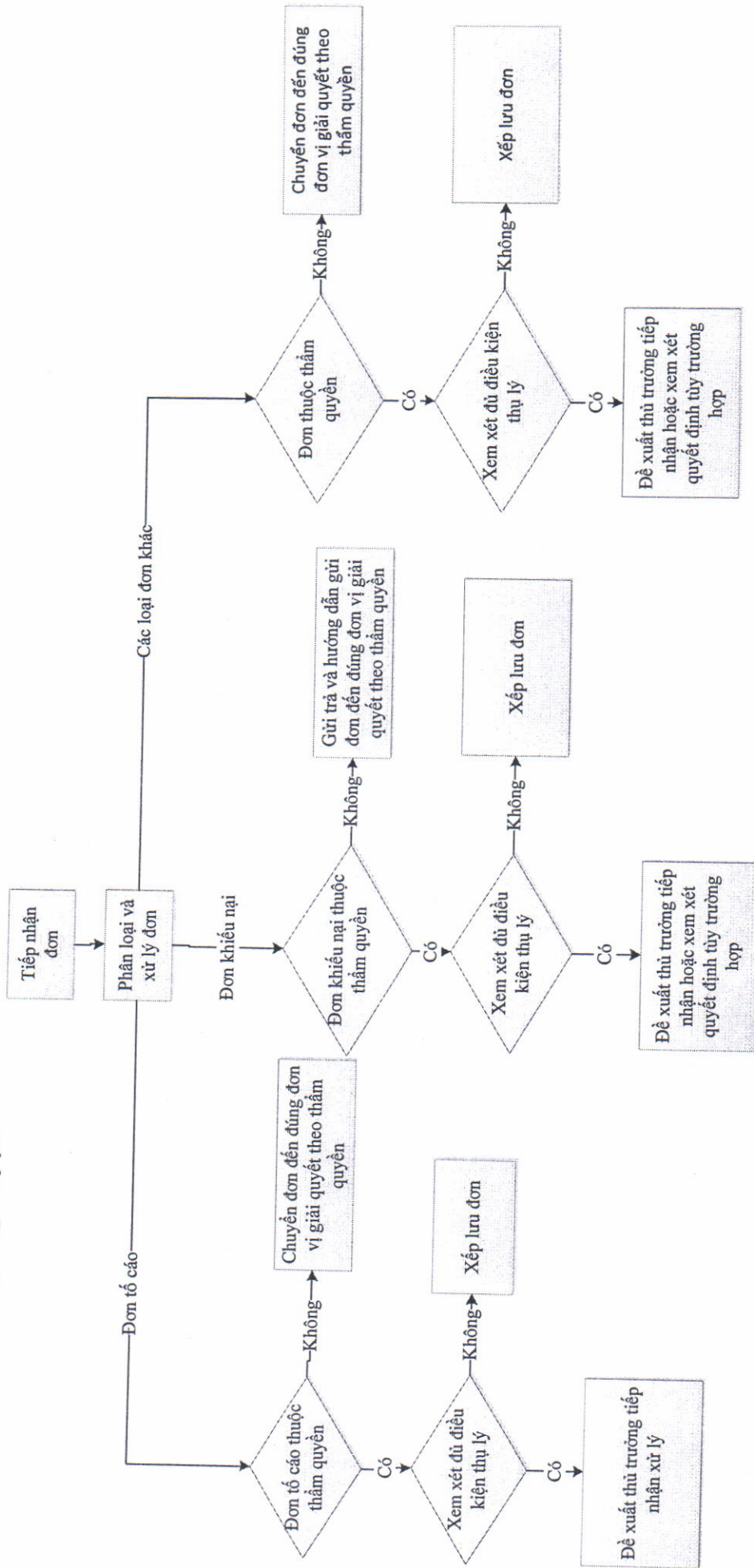
2. Thủ tục Giải quyết khiếu nại theo thẩm quyền Chủ tịch UBND huyện				
Lưu đồ	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết		
		Lần 1	Lần 2	
<pre> graph TD A[Nhận đơn khiếu nại] --> B[Nghiên cứu và xem xét thụ lý khiếu nại] B --> C[Thông báo về việc không thụ lý khiếu nại] B --> D[Thông báo về việc thụ lý và Quyết định giao xác minh] D --> E[Tiến hành xác minh nội dung khiếu nại] E --> F[Tổ chức đối thoại] F --> G[Ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại] G --> H[Gửi Quyết định giải quyết khiếu nại] H --> I[Công khai Quyết định giải quyết khiếu nại] </pre>	UBND huyện	10 ngày		
	Chủ tịch UBND huyện			
	Tiến hành xác minh nội dung khiếu nại	Thanh tra huyện, các Phòng ban chuyên môn trực thuộc UBND cấp huyện	- 30 ngày; đối với vụ việc phức tạp thì 45 ngày, kể từ ngày thụ lý. - Ở vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn, thì 45 ngày; đối với vụ việc phức tạp thì 60 ngày, kể từ	- 45 ngày; đối với vụ việc phức tạp thì 60 ngày, kể từ ngày thụ lý. - Ở vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn, thì 60 ngày; đối với vụ việc phức tạp thì 70 ngày, kể từ ngày thụ lý.
	Tổ chức đối thoại	Chủ tịch UBND huyện		
	Ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại	Chủ tịch UBND huyện		
	Gửi Quyết định giải quyết khiếu nại	UBND huyện	3 ngày	7 ngày
	Công khai Quyết định giải quyết khiếu nại	UBND huyện		15 ngày

III. Lĩnh vực giải quyết tố cáo

3. Thủ tục Giải quyết tố cáo theo thẩm quyền Chủ tịch UBND huyện

3. Thủ tục Giải quyết tố cáo theo thẩm quyền Chủ tịch UBND huyện			
Lưu đồ	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết	
		Tố cáo	Tố cáo tiếp
<p>Nhận đơn tố cáo</p> <p>↓</p> <p>Nghiên cứu và xem xét thụ lý tố cáo</p> <p>↓</p> <p>Thông báo không thụ lý tố cáo Thông báo thụ lý tố cáo và Quyết định giao xác minh</p>	UBND huyện	Từ 07 đến 10 ngày theo quy định tại Khoản 1 Điều 24 Luật Tố cáo năm 2018	20 ngày theo quy định tại Khoản 2 Điều 37 Luật Tố cáo năm 2018
<p>Tiến hành xác minh nội dung tố cáo</p>			
<p>Ban hành Kết luận giải quyết nội dung tố cáo</p>	Chủ tịch UBND huyện		
<p>Ban hành thông báo kết quả giải quyết tố cáo cho người tố cáo</p>	Chủ tịch UBND huyện	05 ngày theo quy định tại Khoản 3 Điều 35 Luật Tố cáo năm 2018	
<p>Công khai Kết luận giải quyết nội dung tố cáo</p>	Chủ tịch UBND huyện	07 ngày theo quy định tại Khoản 1 Điều 40 Luật Tố cáo năm 2018	

IV. Lĩnh vực xử lý đơn thư
5. Xử lý đơn tại cấp huyện



- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND cấp huyện, Chánh Thanh tra huyện, Trưởng phòng trực thuộc UBND cấp huyện.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Ban tiếp công dân cấp huyện, Thanh tra huyện, các phòng chuyên môn trực thuộc UBND cấp huyện.
- Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.

C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

I. Lĩnh vực tiếp công dân

1. Thủ tục tiếp công dân tại cấp xã

1. Thủ tục tiếp công dân tại cấp xã		
Lưu đồ	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
<pre> graph TD A[Đón tiếp, xác định nhân thân của công dân] --> B[Nghe, ghi chép nội dung khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh, tiếp nhận thông tin, tài liệu] B --> C[Phân loại, xử lý khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh tại nơi tiếp công dân] C --> D[Trường hợp không thuộc thẩm quyền.] C --> E[Trường hợp thuộc thẩm quyền.] D --> F[Hướng dẫn người khiếu nại, tố cáo đến cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền giải quyết; Chuyển kiến nghị, phản ánh đến cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền nghiên cứu, tiếp thu, xem xét, giải quyết.] E --> G[Ban hành thông báo thụ lý hoặc không thụ lý khiếu nại, tố cáo; Văn bản trả lời kiến nghị, phản ánh.] </pre>	<p>UBND cấp xã</p>	<p>Theo khoản 1 Điều 28 Luật Tiếp công dân: Trong thời hạn 10 ngày</p>
<p>Hướng dẫn người khiếu nại, tố cáo đến cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền giải quyết; Chuyển kiến nghị, phản ánh đến cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền nghiên cứu, tiếp thu, xem xét, giải quyết.</p>	<p>Ban hành thông báo thụ lý hoặc không thụ lý khiếu nại, tố cáo; Văn bản trả lời kiến nghị, phản ánh.</p>	<p>- Chủ tịch UBND cấp xã. - UBND cấp xã.</p>

II. Lĩnh vực giải quyết khiếu nại

2. Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp xã

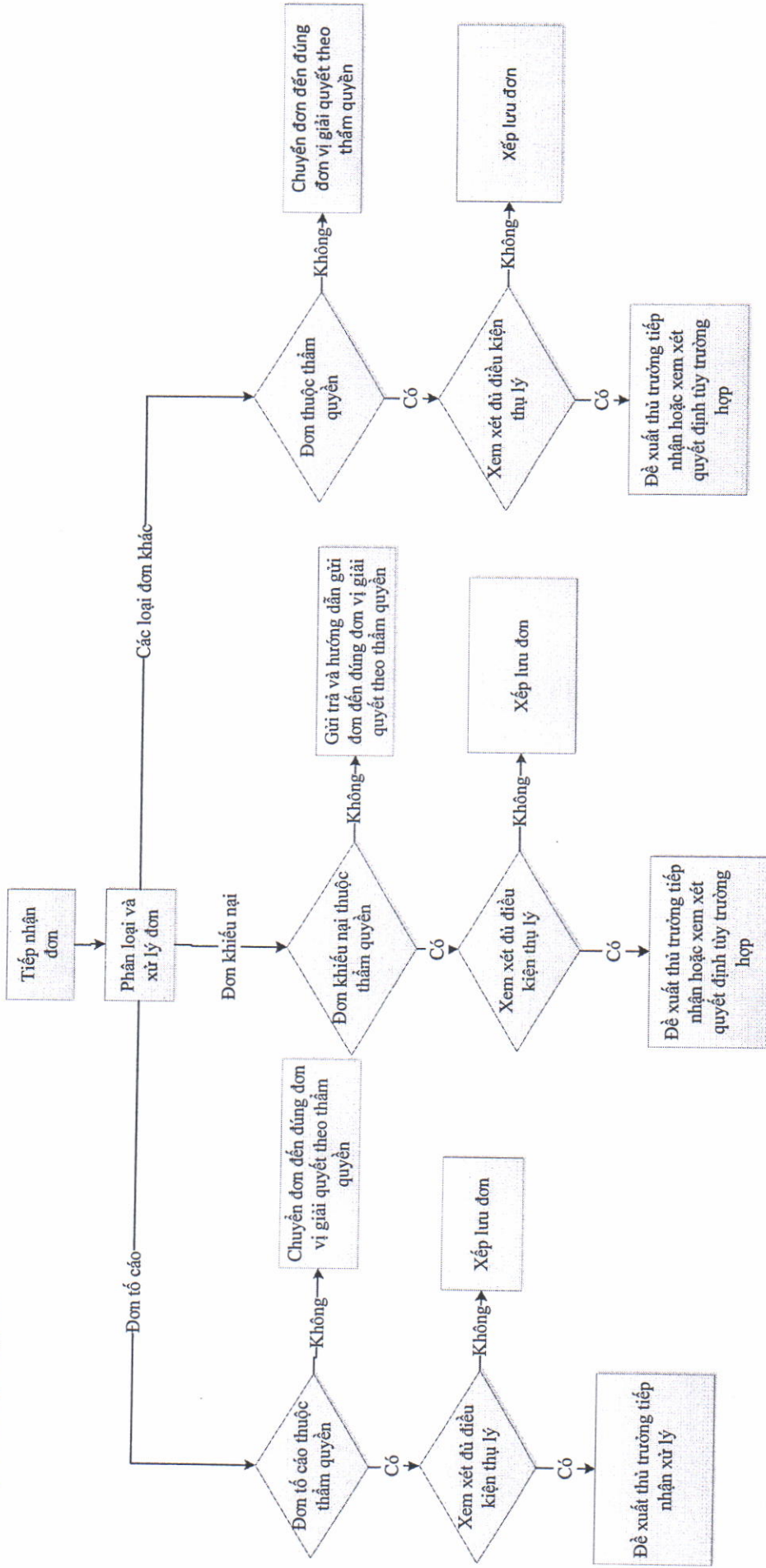
2. Thủ tục Giải quyết khiếu nại theo thẩm quyền Chủ tịch UBND xã		
Lưu đồ	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
<p>Nhận đơn khiếu nại</p> <p>↓</p> <p>Nghiên cứu và xem xét thụ lý khiếu nại</p>	UBND xã	10 ngày
<p>↓</p> <p>Thông báo về việc không thụ lý khiếu nại</p> <p>↓</p> <p>Thông báo về việc thụ lý và Quyết định giao xác minh</p>	Chủ tịch UBND xã	
<p>↓</p> <p>Tiến hành xác minh nội dung khiếu nại</p>	UBND cấp xã	<ul style="list-style-type: none"> - 30 ngày; đối với vụ việc phức tạp thì 45 ngày, kể từ ngày thụ lý. - Ở vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn, thì 45 ngày; đối với vụ việc phức tạp thì 60 ngày, kể từ ngày thụ lý
<p>↓</p> <p>Tổ chức đối thoại</p>	Chủ tịch UBND xã	
<p>↓</p> <p>Ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại</p>	Chủ tịch UBND xã	
<p>↓</p> <p>Gửi Quyết định giải quyết khiếu nại</p>	UBND huyện	3 ngày

III. Lĩnh vực giải quyết tố cáo

3. Giải quyết tố cáo tại cấp xã

3. Thủ tục Giải quyết tố cáo theo thẩm quyền Chủ tịch UBND xã		
Lưu đồ	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
<p>Nhận đơn tố cáo</p> <p>↓</p> <p>Nghiên cứu và xem xét thụ lý tố cáo</p> <p>↓</p> <p>Thông báo không thụ lý tố cáo Thông báo thụ lý tố cáo và Quyết định giao xác minh</p>	UBND xã	Từ 07 đến 10 ngày theo quy định tại Khoản 1 Điều 24 Luật Tố cáo năm 2018
<p>Tiến hành xác minh nội dung tố cáo</p>	Chủ tịch UBND xã	30 ngày đối với nội dung tố cáo bình thường; Từ 60 đến 90 ngày đối với nội dung tố cáo phức tạp theo quy định tại Điều 30 Luật Tố cáo năm 2018
<p>Ban hành Kết luận giải quyết nội dung tố cáo</p>	Chủ tịch UBND xã	
<p>Ban hành thông báo kết quả giải quyết tố cáo cho người tố cáo</p>	Chủ tịch UBND xã	05 ngày theo quy định tại Khoản 3 Điều 35 Luật Tố cáo năm 2018
<p>Công khai Kết luận giải quyết nội dung tố cáo</p>	Chủ tịch UBND xã	07 ngày theo quy định tại Khoản 1 Điều 40 Luật Tố cáo năm 2018

IV. Lĩnh vực xử lý đơn thư
4. Xử lý đơn tại cấp xã



- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND cấp xã.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: UBND cấp xã.
- Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.

D. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH, HUYỆN, XÃ**Lĩnh vực phòng chống tham nhũng****1. Thủ tục thực hiện Kế khai tài sản**

1. Thủ tục thực hiện Kế khai tài sản		
Lưu đồ	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
Lập danh sách người có nghĩa vụ kê khai	Cán bộ phụ trách TCCB	Từ ngày 01 đến ngày 7 tháng 12
Rà soát	Lãnh đạo văn phòng	Sau 01 ngày được trình dự thảo
Ban hành danh sách người có nghĩa vụ kê khai TSTN	Lãnh đạo	Sau 01 ngày được trình dự thảo
Thực hiện Kế khai tài sản	Cán bộ công chức	Trong 07 ngày kể từ ngày ban hành danh sách người có nghĩa vụ KK
Rà soát	Cán bộ phụ trách TCCB	Trong 07 ngày kể nhận bản KKTS; trường hợp bản KKTS không đạt yêu cầu, người KK có 07 ngày để hoàn chỉnh
Tiếp nhận, quản lý bản KKTS		
Bàn giao về phòng phụ trách Bản KKTS	Phòng NV phụ trách Quản lý bản KKTS	Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được bản kê khai
Công khai bản kê khai	Cán bộ phụ trách TCCB	Trong vòng 05 ngày kể từ ngày bàn giao bản kê khai

Ghi chú:

Người lần đầu giữ vị trí công tác quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 34 Luật PCTN phải hoàn thành việc kê khai chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày được tiếp nhận, tuyển dụng, bổ trí vào vị trí công tác.

Người có nghĩa vụ kê khai quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 34 của Luật PCTN 2018 khi dự kiến bầu, phê chuẩn, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, cử giữ chức vụ khác phải hoàn thành kê khai chậm nhất là 10 ngày trước ngày dự kiến bầu, phê chuẩn, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, cử giữ chức vụ khác

2. Thủ tục xác minh tài sản, thu nhập

2. Thủ tục xác minh tài sản, thu nhập		
Lưu đồ	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
<p>Dự thảo quyết định xác minh và thành lập Tổ xác minh</p>	Người được giao NV	Trong thời hạn 05 ngày làm việc
<p>Ban hành quyết định xác minh và thành lập Tổ xác minh</p>	Lãnh đạo	
<p>Tổ xác minh yêu cầu người được xác minh giải trình về tài sản, thu nhập của mình.</p>	Tổ xác minh	
<p>Người được yêu cầu giải trình giải trình về việc KKTS</p>	Tổ xác minh	
<p>Tiến hành xác minh tài sản, thu nhập</p> <p>Báo cáo kết quả xác minh tài sản, thu nhập.</p>	Tổ trưởng xác minh	Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày ra quyết định xác minh; trường hợp phức tạp thì thời hạn có thể kéo dài nhưng không quá 90 ngày
<p>Kết luận xác minh tài sản, thu nhập</p>	Người ra quyết định xác minh	Trong thời hạn 10 ngày trường hợp phức tạp thì thời hạn có thể kéo dài nhưng không quá 20 ngày
<p>Công khai kết luận xác minh</p>	Tổ trưởng xác minh	Trong thời hạn 05 ngày làm

3. Thủ tục tiếp nhận yêu cầu giải trình

3. Thủ tục tiếp nhận yêu cầu giải trình		
Lưu đồ	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
<pre> graph TD A([Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập]) --> B{Rà soát} B -- sai --> A B --> C[Tiếp nhận yêu cầu giải trình] C --> D[Người có trách nhiệm giải trình ra thông báo] </pre>	Văn thư	Tiếp nhận văn bản giải trình
	Tổ xác minh	Dự kiến trong 07 ngày làm việc (bảo đảm trong vòng 45 ngày tiến hành xác minh của tổ xác minh)
	Tổ trưởng tổ xác minh	Thời hạn ra thông báo tiếp nhận hoặc từ chối giải trình là 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận yêu cầu giải trình
	Cá nhân được xác minh TSTN	

4. Thủ tục thực hiện việc giải trình

4. Thủ tục thực hiện việc giải trình		
Lưu đồ	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
<pre> graph TD A[Thu thập, xác minh thông tin có liên quan.] --> B{Rà soát} B -- sai --> A B --> C[Làm việc trực tiếp với người yêu cầu giải trình] C --> D[Ban hành văn bản giải trình] D --> E[Gửi văn bản giải trình đến người yêu cầu giải trình] </pre>	<p>Tổ trưởng tổ xác minh</p> <p>Tổ xác minh, Cá nhân được xác minh TSTN</p> <p>Tổ trưởng tổ xác minh</p>	<p>Thời hạn thực hiện việc giải trình không quá 15 ngày kể từ ngày ra thông báo tiếp nhận yêu cầu giải trình. Trường hợp có nội dung phức tạp thì có thể gia hạn 01 lần, thời gian gia hạn không quá 15 ngày và phải thông báo bằng văn bản đến người yêu cầu giải trình</p>